



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Số: 55/2022/CBTT-CVS

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
CÁC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia

Công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

Tên viết tắt: CVS

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 đường Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 024.33770099 Fax: 024.32000247

Người thực hiện CBTT: Bà Vũ Thị Thúy Hà – Phó Tổng giám đốc

Loại thông tin công bố: Báo cáo định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 (đã được soát xét).

- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2022 (đã được soát xét).

Thông tin này và các tài liệu kèm theo đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 09/08/2022 tại đường dẫn:

<https://cvs.vn/Home/CVSShareholders?cvsShareholdersID=1>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu gửi kèm:

- Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2022 (đã soát xét);

- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2022 (đã soát xét)



VŨ THỊ THÚY HÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 đường Phạm Văn Đồng,
phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hưng Thịnh) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, các Giấy phép điều chỉnh từ năm 2013 đến năm 2021 trong đó Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 57/GPĐC-UBCK ngày 19/07/2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0307929497 cấp lần đầu ngày 25/03/2009, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 13/05/2022.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 đường Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Quang Thuận	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13/07/2022
Ông Jia Minghui	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 13/07/2022
Ông Jiang Wen	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 13/07/2022
Ông Võ Trần Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/07/2022
Ông Đoàn Từ Tích Phước	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/07/2022
Ông Nguyễn Kim Hậu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 13/07/2022
Ông Li Zhiguo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 13/07/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Kim Hậu	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13/07/2022
Bà Vũ Thị Thúy Hà	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Hoài Thu	Trưởng ban
Bà Dương Thùy Trang	Ủy viên
Bà Đặng Thị Hương Thảo	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 đường Phạm Văn Đồng,
phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Đỗ Quang Thuận
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2022

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV được lập ngày 14 tháng 07 năm 2022, từ trang 06 đến trang 16, đã được Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV lập theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo các quy định pháp lý về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022 đã được lập trên các khía cạnh trọng yếu không tuân thủ theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022, Công ty đang lỗ lũy kế là 79,66 tỷ đồng, tương ứng 88,52% vốn góp của chủ sở hữu. Vấn đề này cùng các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển 

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2022



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		146.508.944.680	8.564.162.833
110	I. Tài sản tài chính		146.422.594.367	6.198.514.030
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	143.667.637.175	3.797.981.838
111.1	1.1 Tiền		140.667.637.175	297.981.838
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000	3.500.000.000
117	3. Các khoản phải thu	4	3.082.192	6.832.192
117.2	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		3.082.192	6.832.192
117.4	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		3.082.192	6.832.192
119	4. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	4	2.751.875.000	2.393.700.000
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		86.350.313	2.365.648.803
131	1. Tạm ứng		48.333.132	2.310.138.803
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	5	18.401.935	50.160.000
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6	5.350.000	5.350.000
136	4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	14.265.246	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.395.068.027	1.827.787.697
220	II. Tài sản cố định		1.094.215.103	1.470.036.119
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	480.913.018	616.280.530
222	- Nguyên giá		1.608.332.000	1.608.332.000
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.127.418.982)	(992.051.470)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	613.302.085	853.755.589
228	- Nguyên giá		2.634.460.000	2.634.460.000
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.021.157.915)	(1.780.704.411)
250	V. Tài sản dài hạn khác		300.852.924	357.751.578
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	6	209.964.200	209.964.200
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	5	90.888.724	147.787.378
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		147.904.012.707	10.391.950.530

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		137.570.241.000	193.270.779
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		137.570.241.000	193.270.779
321	1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	100.000.000
322	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	-	7.125.959
323	3. Phải trả người lao động		60.729.000	60.729.000
324	4. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		6.612.000	17.575.820
329	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	11	137.502.900.000	7.840.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.333.771.707	10.198.679.751
410	I. Vốn chủ sở hữu	12	10.333.771.707	10.198.679.751
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		90.000.000.000	90.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		90.000.000.000	90.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		90.000.000.000	90.000.000.000
417	2. Lợi nhuận chưa phân phối		(79.666.228.293)	(79.801.320.249)
417.1	2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(79.666.228.293)	(79.801.320.249)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		147.904.012.707	10.391.950.530

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV


Tầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643,
Đ. Phạm Văn Đồng, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày
30/06/2022

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý	13	900.000.000	900.000.000
005	2. Ngoại tệ các loại	13	10,41	32,21
006	3. Cổ phiếu đang lưu hành		9.000.000	9.000.000




Vũ Thị Thúy Hà
Người lập



Vũ Thị Thúy Hà
Phụ trách kế toán





Đỗ Quang Thuận
Chủ tịch HĐQT


Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2022


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 06 tháng đầu năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
08	1.1	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	2.751.875.000	3.436.500.000
11	1.2	Thu nhập hoạt động khác	-	147.229
20		Cộng doanh thu hoạt động	2.751.875.000	3.436.647.229
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
27	2.1	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	144.711.600	147.791.600
32	2.2	Chi phí các dịch vụ khác	-	63.925.135
40		Cộng chi phí hoạt động	144.711.600	211.716.735
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 14				
41	3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	11.466.900	-
42	3.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	77.450.952	27.631.264
50		Cộng doanh thu hoạt động tài chính	88.917.852	27.631.264
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
60		Cộng chi phí tài chính	-	-
62	VI.	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	15	2.572.868.745
70	VII.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	123.212.507	910.981.969

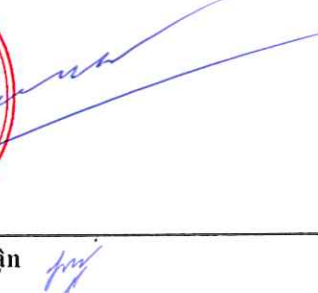
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 06 tháng đầu năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	8.1 Thu nhập khác	16	29.658.069	11.725.856
72	8.2 Chi phí khác	17	17.778.620	132.028.490
80	Cộng kết quả hoạt động khác		11.879.449	(120.302.634)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		135.091.956	790.679.335
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		135.091.956	790.679.335
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	18	-	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		135.091.956	790.679.335
500	XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	19	15	88


 Vũ Thị Thúy Hà
 Người lập


 Vũ Thị Thúy Hà
 Phụ trách kế toán




 Đỗ Quang Thuận
 Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2022

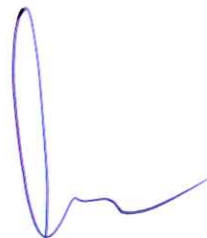
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ


06 tháng đầu năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		135.091.956	790.679.335
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		298.370.064	348.189.752
03	- Khấu hao tài sản cố định		375.821.016	375.821.016
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(77.450.952)	(27.631.264)
30	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		139.358.742.365	(4.217.604.619)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		3.750.000	6.356.164
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(458.175.000)	(1.182.500.000)
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		2.261.805.671	(2.311.138.803)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		88.656.719	(326.633.842)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		-	(154.103.993)
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(10.963.820)	17.524.292
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(21.391.205)	(281.483.724)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		-	(100.000.000)
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		137.495.060.000	1.689.492
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	342.999.995
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(230.314.200)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		139.792.204.385	(3.078.735.532)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
65	1. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		77.450.952	27.631.264
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		77.450.952	27.631.264
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		139.869.655.337	(3.051.104.268)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		3.797.981.838	4.586.179.437
101.1	- Tiền		297.981.838	2.086.179.437
101.2	- Các khoản tương đương tiền		3.500.000.000	2.500.000.000
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	143.667.637.175	1.535.075.169
103.1	- Tiền		140.667.637.175	1.535.075.169
103.2	- Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000	-

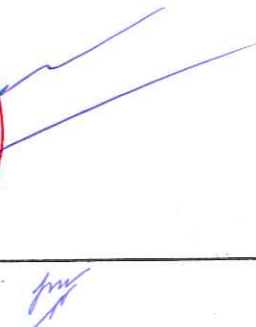
**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA
KHÁCH HÀNG GIỮA NIÊN ĐỘ**
06 tháng đầu năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
07	1. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		106.867.227	400.908.474
08	2. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(106.867.227)	(514.010.646)
20	<i>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>		-	(113.102.172)
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		-	113.102.172
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		-	113.102.172


Vũ Thị Thúy Hà
Người lập


Vũ Thị Thúy Hà
Phụ trách kế toán




Đỗ Quang Thuận
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
06 tháng đầu năm 2022

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
		01/01/2021		06 tháng đầu năm 2021		06 tháng đầu năm 2022	
		VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND
1. Biến động vốn chủ sở hữu							
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		90.000.000.000	90.000.000.000	-	-	-	-
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		90.000.000.000	90.000.000.000	-	-	-	-
2. Lợi nhuận chưa phân phối		(79.965.600.960)	(79.801.320.249)	790.679.335	-	135.091.956	(79.666.228.293)
2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(79.965.600.960)	(79.801.320.249)	790.679.335	-	135.091.956	(79.666.228.293)
TỔNG CỘNG		10.034.399.040	10.198.679.751	790.679.335	-	135.091.956	10.333.771.707

Vũ Thị Thúy Hà
Người lập

Vũ Thị Thúy Hà
Phụ trách kế toán

Đỗ Quang Thuận
Chủ tịch HĐQT



Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2022

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hưng Thịnh) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, các Giấy phép điều chỉnh từ năm 2013 đến năm 2021 trong đó Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 57/GPĐC-UBCK ngày 19/07/2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0307929497 cấp lần đầu ngày 25/03/2009, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 13/05/2022.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 đường Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 90.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 90.000.000.000 đồng; tương đương 9.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 04 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 05 người).

Trong năm 2022, với quy mô và nguồn lực hiện có, Ban lãnh đạo Công ty hoạch định chiến lược kinh doanh tập trung vào lĩnh vực hoạt động chính là hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán đi kèm với các nghiệp vụ liên quan nhằm tối đa hóa nguồn thu từ các khách hàng để đảm bảo duy trì hoạt động của Công ty.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ gồm: Tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022, Công ty đang lỗ lũy kế là 79,66 tỷ đồng, tương ứng 88,52% vốn góp của chủ sở hữu. Tuy nhiên, trong kỳ Công ty vẫn phát sinh doanh thu từ hoạt động tư vấn nên Công ty vẫn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và duy trì hoạt động. Định hướng kinh doanh trong thời gian tới, Công ty tiếp tục triển khai kế hoạch tăng vốn điều lệ và xin cấp phép thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán để mở rộng quy mô hoạt động. Do đó, Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 vẫn được Công ty trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

2.5 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643,
Đ. Phạm Văn Đồng, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.6 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	08 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm giao dịch, bảng sáng chế	08 năm

2.7 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.8 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.9 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối kỳ trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối kỳ trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

2.10 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

2.11 . Doanh thu, thu nhập*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

2.12 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.13 . Doanh thu tài chính*Doanh thu tài chính bao gồm:*

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;

2.14 . Các khoản thuế**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN kỳ kế toán hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643,
Đ. Phạm Văn Đồng, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022

2.15 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.17 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	124.778.085	2.837.714
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	140.542.859.090	295.144.124
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	3.500.000.000
	<u>143.667.637.175</u>	<u>3.797.981.838</u>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, được gửi tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Láng Hạ với lãi suất 3,75%/năm.

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	3.082.192	6.832.192
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	2.751.875.000	2.393.700.000
<i>Phải thu dịch vụ tư vấn:</i>	<i>2.751.875.000</i>	<i>2.393.700.000</i>
- <i>United Harvest Assia Corporation</i>	<i>1.364.375.000</i>	<i>1.012.500.000</i>
- <i>Honorable Investment Limited</i>	<i>1.387.500.000</i>	<i>1.381.200.000</i>
	<u>2.754.957.192</u>	<u>2.400.532.192</u>

5 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Thuê máy photocopy	660.000	660.000
Thuê kho văn phòng	17.741.935	22.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	27.500.000
	<u>18.401.935</u>	<u>50.160.000</u>

b) Chi phí trả trước dài hạn

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	90.888.724	147.787.378
	<u>90.888.724</u>	<u>147.787.378</u>

6 . CẦM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC

a) Ngắn hạn

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Đặt cọc thuê máy photocopy	5.000.000	5.000.000
Đặt cọc vỏ nước Lavie	350.000	350.000
	<u>5.350.000</u>	<u>5.350.000</u>

b) Dài hạn

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	209.964.200	209.964.200
	<u>209.964.200</u>	<u>209.964.200</u>

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	14.265.246	-
	<u>14.265.246</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643,
Đ. Phạm Văn Đồng, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2022	995.687.000	612.645.000	1.608.332.000
Tại ngày 30/06/2022	<u>995.687.000</u>	<u>612.645.000</u>	<u>1.608.332.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2022	623.700.636	368.350.834	992.051.470
Khấu hao trong kỳ	90.669.012	44.698.500	135.367.512
Tại ngày 30/06/2022	<u>714.369.648</u>	<u>413.049.334</u>	<u>1.127.418.982</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2022	371.986.364	244.294.166	616.280.530
Tại ngày 30/06/2022	<u>281.317.352</u>	<u>199.595.666</u>	<u>480.913.018</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2022	2.634.460.000
Tại ngày 30/06/2022	<u>2.634.460.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2022	1.780.704.411
Khấu hao trong kỳ	240.453.504
Tại ngày 30/06/2022	<u>2.021.157.915</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2022	853.755.589
Tại ngày 30/06/2022	<u>613.302.085</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Thuế Thu nhập cá nhân	-	7.125.959
	<u>-</u>	<u>7.125.959</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty CP Dịch vụ Di động Trực tuyến (*)	137.500.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.900.000	7.840.000
	137.502.900.000	7.840.000

(*) Khoản tiền nhận giữ hộ liên quan đến Thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần giữa Công ty CP Dịch vụ Di động Trực tuyến và các cổ đông của Công ty. Khoản tiền này đã được Công ty chuyển trả cho các cổ đông và hoàn lại cho Công ty CP Dịch vụ Di động Trực tuyến trong tháng 7/2022.

12 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2022 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2022 VND
- Nguyễn Kim Hậu	17,56%	15.800.000.000	8,06%	7.250.000.000
- Jia Minghui	27,00%	24.300.000.000	9,50%	8.550.000.000
- Li Zhiguo	0,00%	-	9,50%	8.550.000.000
- Wong Tze Lam Peter	0,00%	-	9,50%	8.550.000.000
- Jiang Min	0,00%	-	9,50%	8.550.000.000
- Jiang Wen	6,44%	5.800.000.000	9,50%	8.550.000.000
- Viet Ocean Securities (International)	0,00%	-	44,44%	40.000.000.000
- Công ty CP Dịch vụ Di động Trực tuyến	49,00%	44.100.000.000	0,00%	-
	100%	90.000.000.000	100%	90.000.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(79.666.228.293)	(79.801.320.249)
	(79.666.228.293)	(79.801.320.249)

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	(79.801.320.249)	(79.965.600.960)
Lãi đã thực hiện kỳ này tính từ đầu kỳ	135.091.956	790.679.335
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối kỳ kế toán	(79.666.228.293)	(79.174.921.625)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối kỳ	(79.666.228.293)	(79.174.921.625)

13 . THUYẾT MINH CÁC TÀI KHOẢN LOẠI 0

	30/06/2022	01/01/2022
Nợ khó đòi đã xử lý	900.000.000	900.000.000
Ngoại tệ (USD)	10,41	32,21

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643,
Đ. Phạm Văn Đồng, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022

14 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.466.900	-
- <i>Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện</i>	<i>11.466.900</i>	-
Doanh thu lãi tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn	77.450.952	27.631.264
	88.917.852	27.631.264

15 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	546.476.514	1.194.716.692
Chi phí vật tư văn phòng	1.430.360	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	5.744.448
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	231.109.416	231.109.416
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.524.241.234	763.082.942
Chi phí khác	266.611.221	142.926.291
	2.572.868.745	2.341.579.789

16 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân thu thừa	29.658.069	11.725.856
	29.658.069	11.725.856

17 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Phạt vi phạm hợp đồng	-	132.028.490
Các khoản khác	17.778.620	-
	17.778.620	132.028.490

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643,
Đ. Phạm Văn Đồng, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022

18 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	135.091.956	790.679.335
Thu nhập chịu thuế TNDN	135.091.956	790.679.335
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	-	-

19 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	135.091.956	790.679.335
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	135.091.956	790.679.335
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.000.000	9.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15	88

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

20 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc/ Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc/ Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	143.667.637.175	-	3.797.981.838	-
Các khoản phải thu	2.754.957.192	-	2.400.532.192	-
	146.422.594.367	-	6.198.514.030	-
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác			137.502.900.000	7.840.000
			137.502.900.000	7.840.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643,
Đ. Phạm Văn Đồng, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Tiền và các khoản trương đương tiền	143.667.637.175	-	-	143.667.637.175
Các khoản phải thu	2.754.957.192	-	-	2.754.957.192
	<u>146.422.594.367</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>146.422.594.367</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản trương đương tiền	3.797.981.838	-	-	3.797.981.838
Các khoản phải thu	2.400.532.192	-	-	2.400.532.192
	<u>6.198.514.030</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>6.198.514.030</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643,
Đ. Phạm Văn Đồng, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022

Tổng thu nhập của Ban Giám Đốc và Hội đồng quản trị được hưởng như sau:

<u>Hội đồng quản trị</u>	<u>Chức vụ</u>	06 tháng đầu năm	
		2022	2021
		VND	VND
Ông Jiang Wen	Phó Chủ tịch	-	200.000.000
Ông Nguyễn Kim Hậu	Ủy viên	(*)	(*)

(*) Đã được trình bày tại thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

<u>Ban Tổng Giám đốc</u>	<u>Chức vụ</u>	06 tháng đầu năm	
		2022	2021
		VND	VND
Ông Nguyễn Kim Hậu	Tổng Giám đốc	-	200.000.000
Bà Vũ Thị Thúy Hà	Phó Tổng Giám đốc	150.000.000	300.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

23 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán và soát xét.

		
_____ Vũ Thị Thúy Hà Người lập	_____ Vũ Thị Thúy Hà Phụ trách kế toán	 _____ Đỗ Quang Thuận Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2022

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022

(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 đường Phạm Văn Đồng,
phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét	06-16

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 đường Phạm Văn Đồng,
phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hưng Thịnh) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, các Giấy phép điều chỉnh từ năm 2013 đến năm 2021 trong đó Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 57/GPĐC-UBCK ngày 19/07/2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0307929497 cấp lần đầu ngày 25/03/2009, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 13/05/2022.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 đường Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Quang Thuận	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13/07/2022
Ông Jia Minghui	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 13/07/2022
Ông Jiang Wen	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 13/07/2022
Ông Võ Trần Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/07/2022
Ông Đoàn Từ Tích Phước	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/07/2022
Ông Nguyễn Kim Hậu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 13/07/2022
Ông Li Zhiguo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 13/07/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Kim Hậu	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13/07/2022
Bà Vũ Thị Thúy Hà	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Hoài Thu	Trưởng ban
Bà Dương Thùy Trang	Ủy viên
Bà Đặng Thị Hương Thảo	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 đường Phạm Văn Đồng,
phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng hệ thống thông tin và hệ thống kiểm soát nội bộ được xây dựng và duy trì để đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính được phản ánh trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào theo những yêu cầu của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2022.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



[Handwritten signature]

Đỗ Quang Thuận
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2022

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV được lập ngày 14 tháng 07 năm 2022, từ trang 06 đến trang 16, đã được Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV lập theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo các quy định pháp lý về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022 đã được lập trên các khía cạnh trọng yếu không tuân thủ theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Chính sách kế toán

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập để giúp Công ty Cổ phần Chứng khoán CV đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Vấn đề khác

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV đã lập một bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chúng tôi đã phát hành báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ về báo cáo tài chính đó cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV vào ngày 05 tháng 08 năm 2022.



Vũ Xuân Biển *VXB*

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2022

Số:


V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022

Chúng tôi cam đoan rằng:


- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.



Vũ Thị Thúy Hà
Người lập/Phụ trách kế toán



Đỗ Quang Thuận
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2022 

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CVTầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 đường Phạm Văn Đồng,
phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà NộiBáo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	(1)	(2)	(3)
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	90.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận chưa phân phối	(79.666.228.293)		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	-		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính			-
16	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	Tổng			10.333.771.707
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tài sản tài chính			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CVTầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 đường Phạm Văn Đồng,
phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà NộiBáo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
11	Phải thu nội bộ			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
13	Các khoản phải thu khác			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
15	Trả trước cho người bán			-
II	Tài sản ngắn hạn khác			-
1	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ			-
3	Chi phí trả trước ngắn hạn			18.401.935
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn			5.350.000
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ			-
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CVTầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 đường Phạm Văn Đồng,
phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà NộiBáo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
7	Tài sản ngắn hạn khác		-	
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
1B	Tổng			23.751.935
C	Tài sản dài hạn			
I	Tài sản tài chính dài hạn			
1	Các khoản phải thu dài hạn		-	
2	Các khoản đầu tư			
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
2.2	Đầu tư vào công ty con		-	
2.3	Đầu tư dài hạn khác		-	
II	Tài sản cố định		1.094.215.103	
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	
V	Tài sản dài hạn khác			
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		209.964.200	
2	Chi phí trả trước dài hạn		90.888.724	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		-	
5	Tài sản dài hạn khác		-	
VI	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	
1C	Tổng			1.395.068.027
D	Tài sản ký quỹ đảm bảo			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam		-	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ		-	
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày		-	
1D	Tổng			-
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D				8.914.951.745

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 đường Phạm Văn Đồng,
phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I	Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			-
1	Tiền mặt (VND)	0%	140.667.637.175	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	3.003.082.192	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	-	-
II	Trái phiếu chính phủ			-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			
5.1	Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương	3%	-	-
III	Trái phiếu tổ chức tín dụng			-
6	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
IV	Trái phiếu doanh nghiệp			-
7	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết			
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CVTầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 đường Phạm Văn Đồng,
phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà NộiBáo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
8	Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết			
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-
V Cổ phiếu				
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	-	-
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	-	-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	-	-
12	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
13	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	-	-
VI Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
14	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
15	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 đường Phạm Văn Đồng,
phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
VII	Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			-
16	Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét theo quy định	30%	-	-
17	Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo	20%	-	-
18	Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25%	-	-
19	Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	40%	-	-
20	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80%	-	-
VII	Chứng khoán phái sinh			-
21	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8%	-	-
22	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3%	-	-
23	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25%	-	-
24	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100%	-	-
25	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8%	-	-
26	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10%	-	-
27	Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo tài chính kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp thuận toàn phần.	100%	-	-
28	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
29	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành			
30	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)			
31	Phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm			
IX	Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)			-
A	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)			-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 đường Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

B	Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro (VND)					Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
	Hệ số rủi ro	0%	0,8%	3,2%	4,8%	6,0%	8,0%
I	Rủi ro trước thời hạn thanh toán						404.201.583
1	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	-	-	-	180.184.932	224.016.651
2	Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-
3	Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 đường Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

STT	Đối tác thanh toán cho tổ chức kinh doanh chứng khoán	Hệ số rủi ro thanh toán
1	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính Phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
2	Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	0,8%
3	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
4	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,8%
5	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6,0%
6	Các tổ chức, cá nhân, đối tượng khác	8,0%

II	Rủi ro quá thời hạn thanh toán	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	Thời gian quá hạn			
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%	-	-
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%	-	-
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%	-	-
4	Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100%	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 đường Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022

III		Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác			
		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro	
1	Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài các giao dịch, hợp đồng được ghi nhận ở các điểm a, b, c, d, e, g khoản 1 Điều 10 Thông tư này; Các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC) (Chi tiết từng đối tượng). Khoản tạm ứng chiếm trên 5% vốn chủ sở hữu có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày (Chi tiết từng đối tượng).	100%	-	-	
IV.		Rủi ro tăng thêm (nếu có)			76.070.480
TT	Chi tiết từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	30%	6%	3.003.082.192	54.055.480
2	United Harvest Assia Corporation	10%	8%	1.364.375.000	10.915.000
3	Honorable Investment Limited	10%	8%	1.387.500.000	11.100.000
B	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III+IV)				480.272.063

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CVTầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 đường Phạm Văn Đồng, phường
Cố Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà NộiBáo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**


Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

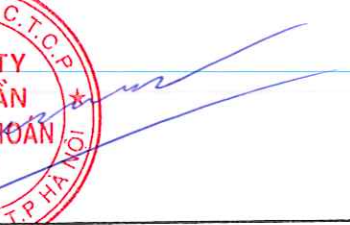
C	RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)	Giá trị rủi ro
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	4.462.650.921
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	751.642.032
	1. Chi phí khấu hao	751.642.032
	2. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp	-
	3. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	-
	4. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-
	5. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác	-
	6. Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-
	7. Chi phí lãi vay	-
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	3.711.008.889
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	927.752.222
V	20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán	2.000.000.000
C	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})	2.000.000.000
D	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)	2.480.272.063

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	-	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	480.272.063	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	2.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	2.480.272.063	
5	Vốn khả dụng	8.914.951.745	
6	Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4)	359,43%	



Vũ Thị Thúy Hà
Người lập/Phụ trách kế toán

Đỗ Quang Thuận
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2022